

Số: 871/QĐ-UBND

Hương Toàn, ngày 31 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng**  
**theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG TOÀN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Xét đề nghị của công chức Văn phòng-Thống kê xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo đúng theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các thủ tục hành chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban chỉ đạo ISO, các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo 19 tỉnh Thừa Thiên Huế;
- UBND thị xã Hương Trà;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Trọng Hiệu**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN**  
**VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG TOÀN**  
**ĐƯỢC CÔNG BỐ LẠI PHÙ HỢP THEO HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT**  
**LƯỢNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023*  
*của Chủ tịch UBND xã Hương Toàn)*

<b>TT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>A</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ</b>	
<b>I</b>	<b>LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (19 TTHC)</b>	
	<b>1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)</b>	
1.	QT-NCC-01	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
2.	QT-NCC-02	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
	<b>2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)</b>	
3.	QT-BVCSTE-01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
4.	QT-BVCSTE-02	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
5.	QT-BVCSTE-03	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
6.	QT-BVCSTE-04	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
7.	QT-BVCSTE-05	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
8.	QT-BVCSTE-06	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
	<b>3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)</b>	
9.	QT-BTXH-01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
10.	QT-BTXH-02	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
11.	QT-BTXH-03	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa

		chữa nhà ở
12.	QT-BTXH-04	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng
13.	QT-BTXH-05	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
14.	QT-BTXH-06	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm
15.	QT-BTXH-07	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm
16.	QT-BTXH-08	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.
<b>4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)</b>		
17.	QT-PCTNXH-01	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
18.	QT-PCTNXH-02	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng
19.	QT-PCTNXH-03	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng
<b>II GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)</b>		
20.	QT-GDĐT-01	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
21.	QT-GDĐT-02	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
22.	QT-GDĐT-03	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
23.	QT-GDĐT-04	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
24.	QT-GDĐT-05	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
<b>III. VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05 TTHC)</b>		
25.	QT-VHTT-01	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội
26.	QT-VHTT-02	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa
27.	QT-VHTT-03	Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa
28.	QT-VHTT-04	Đăng ký hoạt động thư viện, tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản
29.	QT-VHTT-05	Công nhận CLB thể thao cơ sở
<b>IV. Y TẾ (01 TTHC)</b>		
30	QT-YT-01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
<b>V. NỘI VỤ (14 TTHC)</b>		

<b>1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)</b>		
31.	QT-TG-01	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng
		Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
32.	QT-TG-02	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
33.	QT-TG-03	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
		Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
34.	QT-TGTN-04	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
35.	QT-TGTN-05	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
36.	QT-TGTN-06	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
37.	QT-TGTN-07	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
38.	QT-TGTN-08	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
<b>2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)</b>		
39.	QT-TĐKT-01	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
		Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề
		Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
40.	QT-TĐKT-02	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
<b>VI.</b>	<b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (06 TTHC)</b>	
<b>1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (01 TTHC)</b>		
41.	QT-PTNT-01	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản
<b>2. Lĩnh vực Thủy lợi (01 TTHC)</b>		
42.	QT-TL-01	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)
<b>3. Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)</b>		
43.	QT-KN-01	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương
<b>4. Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TTHC)</b>		

44.	QT-LN-01	Đăng ký khai thác tận dụng gỗ trên đất rừng trồng bằng vốn tự có khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.
45.	QT-LN-02	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên.
		Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.
<b>5. Lĩnh vực trồng trọt (01 TTHC)</b>		
46.	QT-TT-01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
<b>VII. TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (22 TTHC)</b>		
<b>1. Lĩnh vực Môi trường (01 TTHC)</b>		
47.	QT-MT-02	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường
<b>2. Lĩnh vực Đất đai (21 TTHC)</b>		
<b>Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)</b>		
48.	QT-ĐĐ-01	Cung cấp dữ liệu đất đai
49.	QT-ĐĐ-02	Hòa giải tranh chấp đất đai
<b>Mục 2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (19 TTHC)</b>		
<b>Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND cấp xã</b>		
50.	QT-ĐĐ-03	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
51.	QT-ĐĐ-04	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
52.	QT-ĐĐ-05	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
53.	QT-ĐĐ-06	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn

		chế thửa đất liền kề
54.	QT-ĐĐ-07	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
55.	QT-ĐĐ-08	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
56.	QT-ĐĐ-09	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
57.	QT-ĐĐ-10	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
58.	QT-ĐĐ-11	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
59.	QT-ĐĐ-12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
60.	QT-ĐĐ-13	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
61.	QT-ĐĐ-14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
62.	QT-ĐĐ-15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
63.	QT-ĐĐ-16	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở
64.	QT-ĐĐ-17	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng

		năm
65.	QT-ĐĐ-18	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
66.	QT-ĐĐ-19	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
67.	QT-ĐĐ-20	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
68.	QT-ĐĐ-21	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
<b>VIII. TƯ PHÁP (36 TTHC)</b>		
<b>1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)</b>		
69.	QT-PBGDPL-01	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật
70.	QT-PBGDPL-02	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật
<b>2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)</b>		
71.	QT-HGCS-01	Công nhận hòa giải viên
72.	QT-HGCS-02	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
73.	QT-HGCS-03	Thôi làm hòa giải viên
74.	QT-HGCS-04	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên
<b>3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)</b>		
75.	QT-BTNN-01	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.
<b>4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)</b>		
76.	QT-CT-01	Cấp bản sao từ sổ gốc
77.	QT-CT-02	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam

		cấp hoặc chứng nhận
78.	QT-CT-03	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
79.	QT-CT-04	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
80.	QT-CT-05	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
81.	QT-CT-06	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
82.	QT-CT-07	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
83.	QT-CT-08	Chứng thực di chúc
84.	QT-CT-09	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
		Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
		Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
<b>5. Lĩnh vực Hộ tịch (16 TTHC)</b>		
85.	QT-HT-01	Đăng ký khai sinh
86.	QT-HT-02	Đăng ký kết hôn
87.	QT-HT-03	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
		Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
88.	QT-HT-04	Đăng ký khai tử
89.	QT-HT-05	Đăng ký giám hộ
90.	QT-HT-06	Đăng ký chấm dứt giám hộ
91.	QT-HT-07	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
92.	QT-HT-08	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
93.	QT-HT-09	Đăng ký lại khai sinh
		Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
		Đăng ký lại kết hôn
94.	QT-HT-10	Đăng ký lại khai tử
95.	QT-HT-11	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
96.	QT-HT-12	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
97.	QT-HT-13	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
<b>6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)</b>		
98.	QT-NCN-01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước



99.	QT-NCN-02	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
<b>IX.</b>	<b>QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 TTHC)</b>	
100.	QT-ATTĐ-01	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
<b>B</b>	<b>QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG</b>	
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21 TTHC)</b>	
101.	QT-CC-03	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
102.	QT-CC-04	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
103.	QT-CC05	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
104.	QT-CC-06	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
105.	QT-CC-07	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
106.	QT-CC-08	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
107.	QT-CC-09	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
108.	QT-CC-10	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
109.	QT-CC-11	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
110.	QT-CC-12	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
111.	QT-CC-13	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
112.	QT-CC-14	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong

		đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
113.	QT-CC-15	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
114.	QT-CC-16	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
115.	QT-CC-17	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
116.	QT-CC-18	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
117.	QT-CC-19	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
118.	QT-CC-20	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia
119.	QT-CC-21	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng
<b>II.</b>	<b>LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (06 TTHC)</b>	
120.	QT-BTXH-09	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
121.	QT-BTXH-10	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
122.	QT-BTXH-11	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
123.	QT-BTXH-12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)
124.	QT-BTXH-13	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân

<b>III.</b>	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)</b>	
125.	QT-PTNT-02	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại
<b>C</b>	<b>QUY TRÌNH HỆ THỐNG</b>	
1	H57.38.60-01/HT	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản
2	H57.38.60-02/HT	Quy trình đánh giá nội bộ
3	H57.38.60-03/HT	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục
4	H57.38.60-04/HT	Quy trình quản lý rủi ro
5	H57.38.60-01/NB	Quy trình Đăng ký, xây dựng chương trình công tác
6	H57.38.60-02/NB	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức
7	H57.38.60-03/NB	Quy trình Quản lý văn bản đến
8	H57.38.60-04/NB	Quy trình Quản lý văn bản đi
9	H57.38.60-04/NB	Quy trình thanh toán
10	H57.38.60-06/NB	Quy trình quản lý tài sản
11	H57.38.60-07/NB	Quy trình đăng ký sử dụng tài sản
12	H57.38.60-08/NB	Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản
13	H57.38.60-09/NB	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan
14	H57.38.60-10/NB	Quy trình họp giao ban
15	H57.38.60-11/NB	Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo
16	H57.38.60-12/NB	Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức của cơ quan
17	H57.38.60-13/NB	Quy trình xin nghỉ phép
18	H57.38.60-14/NB	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ của cơ quan
19	H57.38.60-15/NB	Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng